

Số: **63** /KL-TTr

Hà Nội, ngày **11** tháng **4** năm 2023

**KẾT LUẬN THANH TRA**  
**Việc chấp hành các quy định của pháp luật giáo dục  
nghề nghiệp tại Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh**

Thực hiện Quyết định số 27/QĐ-TTr ngày 13/02/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là LĐTBXH) về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp (sau đây viết tắt là GDNN) tại Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh, từ ngày 28/02/2023 đến ngày 03/03/2023, Đoàn thanh tra đã kiểm tra, xác minh tại Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh (sau đây gọi tắt là Trường) và các tổ chức, cá nhân có liên quan; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2020 đến thời điểm tiến hành thanh tra.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 20/3/2023 của Trường đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH kết luận như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp:** Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh.

**2. Địa chỉ**

*2.1. Trụ sở chính:* khu Thượng, phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Điện thoại: 0222. 3822895 Email: truongybacninh@gmail.com.

*2.2. Địa điểm đào tạo:* khu Thượng, phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp:** công lập.

**4. Quyết định cho phép thành lập/đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

Quyết định số 1595/QĐ-BLĐTBXH ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH về việc thành lập Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh.

**5. Hội đồng trường; Quy chế tổ chức, hoạt động; Hiệu trưởng**

**5.1. Hội đồng trường**

- Từ ngày 29/01/2018 đến ngày 30/01/2023, đã thành lập Hội đồng trường: Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 29/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Bắc Ninh về việc thành lập Hội đồng trường của Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh; Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc kiện toàn Hội đồng trường của Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh. Hội đồng Trường có 11 thành viên, số lượng,



*(Handwritten signature)*



ơ cấu đảm bảo theo quy định của pháp luật; ông Đồng Duy Trường, Hiệu trưởng trường là Chủ tịch Hội đồng trường.

- Ngày 06/5/2022, ông Đồng Duy Trường được Bộ Y tế tiếp nhận vào làm công chức tại Vụ Bảo hiểm y tế - Bộ Y tế kể từ ngày 15/5/2022; Hội đồng trường đương nhiệm chưa tổ chức họp, quyết nghị việc thay thế Chủ tịch Hội đồng trường theo quy định.

- Từ ngày 01/02/2023 đến thời điểm thanh tra, Trường chưa có Hội đồng trường theo quy định (Hội đồng trường đã hết nhiệm kỳ); ngày 20/02/2023, Trường đã có Tờ trình số 38/TTr-CDYT ngày 20/02/2023 gửi UBND tỉnh Bắc Ninh đề nghị thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2023 – 2028.

- Trong nhiệm kỳ 2018-2023, Hội đồng trường đã họp định kỳ ít nhất 03 (ba) tháng một lần theo quy định của pháp luật.

### **5.2. Quy chế tổ chức, hoạt động**

- Đã ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng trường: Quyết định số 35/2018/QĐ-CDYT ngày 08/02/2018 của Hội đồng trường. Tại điểm 1.1 khoản 1 Điều 5 Quy chế hoạt động của Hội đồng trường quy định về tiêu chuẩn Chủ tịch thiếu nội dung “Đã qua đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp”.

- Đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường: Quyết định số 36/2018/QĐ-CDYT ngày 08/02/2018 và Quyết định số 03/QĐ-CDYT ngày 04/01/2022 của Hiệu trưởng.

### **5.3. Hiệu trưởng**

- Trước ngày 15/05/2022: ông Đồng Duy Trường, sinh năm 1972, được bổ nhiệm theo Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh; đã được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cơ sở GDNN theo Quyết định số 630/QĐ-TCGDNN ngày 11/6/2018 của Tổng Cục trưởng Tổng cục GDNN.

- Từ ngày 30/12/2022 đến thời điểm thanh tra: bà Nguyễn Thị Dung, sinh năm 1970, được bổ nhiệm theo Quyết định số 1702/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh; đã được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cơ sở GDNN theo Quyết định số 630/QĐ-TCGDNN ngày 11/6/2018 của Tổng Cục trưởng Tổng cục GDNN.

### **6. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp**

- Trước ngày 23/11/2022, Trường hoạt động theo các giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 29/2018/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 04/5/2018, do Tổng cục GDNN cấp.



- Từ ngày 24/11/2022 đến thời điểm thanh tra, Trường hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 101/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 24/11/2022 do Tổng cục GDNN cấp.

- Số học sinh quy đổi theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 101/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN:

TT	Ngành, nghề	Trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Quy mô tuyển sinh/năm	Số học sinh quy đổi
1	Dược	Cao đẳng	03 năm	90	270
2	Điều dưỡng	Cao đẳng	03 năm	90	270
3	Hộ sinh	Cao đẳng	03 năm	50	150
4	Y sỹ đa khoa	Trung cấp	02 năm	15	30
5	Y học cổ truyền	Trung cấp	02 năm	15	30
Tổng số học sinh quy đổi					750

## II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

### 1. Các điều kiện đảm bảo hoạt động giáo dục nghề nghiệp

#### 1.1. Cơ sở vật chất

1.1.1. Về diện tích đất sử dụng chung toàn trường: 53.588,5m<sup>2</sup> (Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 của UBND tỉnh Bắc Ninh).

1.1.2. Diện tích các hạng mục công trình đã xây dựng: 5.010 m<sup>2</sup>, trong đó:

- Khu hiệu bộ và khu hành chính: 09 phòng, tổng diện tích 630 m<sup>2</sup>.
- Công trình phụ trợ: hội trường, phòng họp, thư viện, phòng y tế, nhà xe, trạm điện, khu vệ sinh, nhà kho, tổng diện tích 1.800 m<sup>2</sup>.
- Phòng học lý thuyết: 08 phòng, tổng diện tích 1.280 m<sup>2</sup>.
- Phòng/xưởng thực hành: 15 phòng, 01 vườn dược liệu, tổng diện tích 1.300 m<sup>2</sup>.
- Trường hợp đồng thuê địa điểm tại Trung tâm hoạt động Thanh thiếu nhi tỉnh Bắc Ninh để phục vụ các hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí (Hợp đồng số 01/HDDV ngày 04/01/2022, Hợp đồng số 02/HDDV ngày 05/01/2023 giữa Trường và Trung tâm hoạt động Thanh thiếu nhi tỉnh Bắc Ninh).
- Qua kiểm tra cho thấy:

+ Phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn chuyên môn bảo đảm diện tích ít nhất 08 m<sup>2</sup>/người: diện tích các phòng làm việc là  $630 \text{ m}^2 / 18 = 33 \text{ m}^2 / \text{người}$ .



+ Diện tích phòng học lý thuyết, phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bình quân ít nhất  $5.5 \text{ m}^2/\text{chỗ học}$ : đối với quy mô tuyển sinh đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN bình quân  $(1.280 + 1.300)/750 \times 2$  (học 02 ca/ngày) =  $6,88 \text{ m}^2/\text{chỗ học}$ ; đối với quy mô đang đào tạo bình quân  $(1.280 + 1.300)/415 \times 2$  (học 02 ca/ngày) =  $12,4 \text{ m}^2/\text{chỗ học}$ .

+ Số phòng học lý thuyết: đối với quy mô tuyển sinh đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN: số phòng học lý thuyết cần có  $750/70 \times 30\% = 04$  phòng (đào tạo 02 ca/ngày, thời gian học lý thuyết 30%), Trường hiện có 08 phòng; đối với quy mô đang đào tạo tại Trường: số phòng học lý thuyết cần có  $16 \text{ lớp}/2\text{ca} \times 30\% = 03$  phòng, Trường hiện có 08 phòng.

+ Số phòng, xưởng thực hành, thực tập: đối với quy mô tuyển sinh đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN: số phòng, xưởng thực hành, thực tập cần có  $750/36 \times 70\% = 15$  phòng (đào tạo 02 ca/ngày, thời gian học thực hành 70%), Trường hiện có 16 phòng; đối với quy mô đang đào tạo tại Trường: số phòng, xưởng thực hành, thực tập cần có  $16 \text{ lớp}/2\text{ca} \times 70\% = 06$  phòng, Trường hiện có 16 phòng.

### **1.2. Trang thiết bị đào tạo**

Kiểm tra thiết bị hiện có của trường và danh mục thiết bị theo các hợp đồng thuê cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo (Hợp đồng số 0609/2022/HĐHTĐT ngày 06/9/2022 giữa Trường và Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh; Hợp đồng số 03/HĐĐT/CĐYTBN-BVĐKBN ngày 15/8/2022 giữa Trường và Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh; Hợp đồng số 04/HĐĐT/CĐYTBN-BVSNBN ngày 06/10/2022 giữa Trường và Bệnh viện Sản nhi Bắc Ninh; Hợp đồng số 05/HĐĐT/CĐYTBN-BVYHCT-PHCN ngày 11/11/2022 giữa Trường và Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Bắc Ninh; Hợp đồng số 15/HĐĐT/CĐYTBN-TTYTYP ngày 16/5/2022 giữa Trường và Trung tâm Y tế Yên Phong; Hợp đồng số 02/HĐĐT/CĐYTBN-TTYTTD ngày 16/5/2022 giữa Trường và Trung tâm Y tế Tiên Du), kết quả:

- Nghề Dược (trình độ cao đẳng): thiết bị đào tạo tối thiểu theo danh mục quy định tại phụ lục 36b Thông tư số 15/2020/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐBXH ban hành danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho 41 ngành, nghề (sau đây gọi tắt là Thông tư số 15/2020/TT-BLĐTĐBXH).

- Nghề Điều dưỡng (trình độ cao đẳng): thiết bị đào tạo tối thiểu theo danh mục quy định tại phụ lục 37b Thông tư số 15/2020/TT-BLĐTĐBXH.

- Nghề Hộ sinh (trình độ cao đẳng): đủ thiết bị đào tạo tối thiểu theo danh mục quy định tại phụ lục 91b Thông tư số 16/2021/TT-BLĐTĐBXH ngày 08/11/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐBXH ban hành danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho 98 ngành, nghề (sau đây gọi tắt là Thông tư số 16/2021/TT-BLĐTĐBXH).



- Nghề Y sỹ đa khoa, Y học cổ truyền (trình độ trung cấp): thiết bị đào tạo theo các module, môn học trong chương trình đào tạo do Trường ban hành.

### **1.3. Đội ngũ cán bộ, nhà giáo**

#### **1.3.1. Cơ cấu tổ chức**

Ban giám hiệu (Hiệu trưởng, 01 Phó hiệu trưởng); Phòng Quản lý đào tạo - Nghiên cứu khoa học; Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị; Phòng Tài chính - Hợp tác quốc tế - Quản lý sinh viên; Khoa cơ bản; Khoa Điều dưỡng - Kỹ thuật y học; Khoa Y; Khoa Dược; Tổ chức đảng, đoàn thể.

#### **1.3.2. Cán bộ quản lý**

Tổng số cán bộ quản lý: 09 người (Ban giám hiệu 02 người; trưởng, phó các phòng, khoa 07 người), trong đó: thạc sỹ/chuyên khoa cấp 1 là 05 người; đại học là 04 người.

#### **1.3.2. Đội ngũ nhà giáo**

##### **a) Về số lượng**

- Tổng số nhà giáo: 38 người, trong đó giảng viên, giáo viên cơ hữu là 29 người, chiếm tỷ lệ 76,3%; giảng viên, giáo viên thỉnh giảng là 09 người, chiếm 23,7 %, đảm bảo tỷ lệ giáo viên cơ hữu theo quy định.

- Số giáo viên quy đổi là 31,6, cụ thể: 09 cán bộ quản lý, nhân viên Phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học tham gia giảng dạy, tổng số giờ  $738/450 = 1,6$  giáo viên quy đổi (Trường quy định giờ chuẩn của nhà giáo GDNN là 450 giờ); 20 giáo viên cơ hữu (dạy thêm không quá 200 giờ/năm) quy đổi  $20 \times 650/450 = 28,9$  giáo viên quy đổi; 09 nhà giáo thỉnh giảng  $509,7/450 = 1,1$  giáo viên quy đổi.

- Đã đảm bảo tỷ lệ học sinh quy đổi/giáo viên quy đổi (không quá 25 học sinh quy đổi/giáo viên quy đổi): tính theo quy mô đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN:  $750/31,6 = 23,7$  (học sinh quy đổi/giáo viên quy đổi); tính theo quy mô Trường đang đào tạo:  $415/31,6 = 13,1$  (học sinh quy đổi/giáo viên quy đổi).

##### **b) Về chất lượng**

- Về trình độ chuyên môn, kỹ thuật: tiến sỹ: 02 người; thạc sỹ: 15 người; chuyên khoa 1: 05 người; chuyên khoa 2: 01 người; đại học: 15 người.

- Về năng lực nghiệp vụ sư phạm: đại học chuyên ngành sư phạm: 05 người; sư phạm dạy nghề: 26 người; nghiệp vụ sư phạm dành cho giảng viên đại học, cao đẳng: 04 người; sư phạm bậc 2: 02 người; tập huấn giảng viên cấp tỉnh: 01 người.

- Về kỹ năng nghề: 22 nhà giáo dạy thực hành có đủ chứng chỉ hành nghề theo quy định (chứng chỉ hành nghề khám, chữa bệnh: 17 người; chứng chỉ hành nghề dược: 05 người).



- Trình độ ngoại ngữ: tiếng Anh có 36 người (đại học: 01, chứng chỉ TOEFL: 02, chứng chỉ B1 châu Âu: 09, chứng chỉ B2 châu Âu: 01, chứng chỉ C: 05, chứng chỉ B: 18); tiếng Nga có 02 người (đại học: 01, chứng chỉ B: 01).

- Trình độ tin học: đại học: 01 người, chứng chỉ B: 31 người, chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản: 06 người.

#### **1.4. Chương trình, giáo trình đào tạo**

##### *1.4.1. Về chương trình đào tạo*

a) Đối với chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp: đã xây dựng, thẩm định và ban hành 05 chương trình đào tạo cho 05 nghề đã đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN theo quy định: nghề Dược, Điều dưỡng, Hộ sinh (trình độ cao đẳng); nghề Y sỹ đa khoa, Y học cổ truyền (trình độ trung cấp).

b) Đối với chương trình đào tạo liên thông: Trường chưa thực hiện đào tạo liên thông nên chưa xây dựng chương trình đào tạo.

c) Đối với chương trình đào tạo trình độ sơ cấp: Trường chưa tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp nên chưa xây dựng chương trình đào tạo.

d) Đối với chương trình đào tạo dưới 03 tháng: Trường tổ chức đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về dược dưới 03 tháng cho người hành nghề dược. Trường đã xây dựng chương trình đào tạo theo quy định: Quyết định số 139/QĐ-CĐYT ngày 15/8/2018 ban hành chương trình đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về Dược cho người hành nghề dược; Quyết định số 09/QĐ-CĐYT ngày 04/01/2022 ban hành chương trình đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về Dược cho người hành nghề dược (cập nhật, bổ sung).

##### *1.4.2. Về giáo trình đào tạo*

a) Giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp: đã xây dựng và lựa chọn giáo trình sử dụng trong Trường (Quyết định số 35/QĐ-CĐYT ngày 06/02/2021 ban hành giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Hộ sinh: 37 giáo trình; Quyết định số 171/QĐ-CĐYT ngày 26/5/2021 phê duyệt và sử dụng bộ giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Điều dưỡng: 22 giáo trình; Quyết định số 256/QĐ-CĐYT ngày 21/9/2021 phê duyệt và sử dụng bộ giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Dược: 25 giáo trình; Quyết định số 234/QĐ-CĐYT ngày 10/8/2021 phê duyệt và sử dụng bộ giáo trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Y sỹ đa khoa: 18 giáo trình; Quyết định số 236/QĐ-CĐYT ngày 19/8/2021 phê duyệt và sử dụng bộ giáo trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Y học cổ truyền: 19 giáo trình).

b) Giáo trình đào tạo trình độ sơ cấp: Trường không đào tạo trình độ sơ cấp nên chưa xây dựng giáo trình đào tạo.

c) Giáo trình, tài liệu giảng dạy dưới 03 tháng: đã ban hành tài liệu giảng dạy kèm theo chương trình đào tạo (Quyết định số 139/QĐ-CĐYT ngày 15/8/2018 ban hành chương trình đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về



được cho người hành nghề được; Quyết định số 09/QĐ-CĐYT ngày 04/01/2022 ban hành chương trình đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về được cho người hành nghề được) kèm theo tài liệu giảng dạy và học tập.

## **2. Việc triển khai các quy định trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp**

### **2.1. Công tác tuyển sinh**

#### *a) Xây dựng quy chế tuyển sinh*

- Đã ban hành quy chế tuyển sinh: Quyết định số 97/QĐ-CĐYT ngày 22/5/2018, Quyết định số 92/QĐ-CĐYT ngày 26/3/2021, Quyết định số 01/QĐ-CĐYT ngày 04/01/2022.

- Quy chế tuyển sinh có các nội dung: ngành, nghề đào tạo; thời gian tuyển sinh; đối tượng tuyển sinh; hình thức tuyển sinh; chính sách ưu tiên tuyển sinh; ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào; lệ phí tuyển sinh; điều kiện thực hiện phương án tuyển sinh; kế hoạch tuyển sinh, thông báo tuyển sinh; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và giải quyết khiếu nại, tố cáo; chế độ thông tin, báo cáo; khen thưởng, kỷ luật.

*b) Thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký tuyển sinh, Ban phúc tra; Ban đề thi, Ban coi thi, Ban chấm thi (ban chuyên môn)*

- Đã ban hành kế hoạch tuyển sinh: Kế hoạch tuyển sinh số 48/KH-HĐTS ngày 26/02/2020, Kế hoạch tuyển sinh số 97/KH-HĐTS ngày 26/3/2021, Kế hoạch tuyển sinh số 15/KH-HĐTS ngày 10/01/2022, Kế hoạch tuyển sinh số 15/KH-HĐTS ngày 10/01/2023.

- Đã thành lập Hội đồng tuyển sinh: Quyết định số 38/QĐ-CĐYT ngày 24/02/2020, Quyết định số 95/QĐ-CĐYT ngày 24/02/2020, Quyết định số 16/QĐ-CĐYT ngày 10/01/2022, Quyết định số 16/QĐ-CĐYT ngày 10/01/2023.

- Đã thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh: Quyết định số 47/QĐ-HĐTS ngày 24/02/2020, Quyết định số 96/QĐ-HĐTS ngày 26/3/2021, Quyết định số 17/QĐ-HĐTS ngày 17/01/2022, Quyết định số 17/QĐ-HĐTS ngày 17/01/2023.

#### *c) Hồ sơ và thủ tục đăng ký dự tuyển vào trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng*

- Hồ sơ tuyển sinh gồm: phiếu đăng ký dự tuyển, giấy khám sức khỏe, bản sao công chứng học bạ trung học phổ thông, bản sao công chứng bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học phổ thông tạm thời.

- Thủ tục đăng ký dự tuyển: thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp tại các địa điểm tuyển sinh của Trường hoặc gửi tới trụ sở chính của Trường thông qua đường bưu điện.

- Kiểm tra 30 hồ sơ đăng ký xét tuyển trình độ cao đẳng đã đảm bảo theo quy định: có phiếu đăng ký xét tuyển vào giáo dục nghề nghiệp, bản sao học bạ trung học phổ thông, giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học phổ thông/bản sao



*(Handwritten signature)*



bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy khám sức khỏe. Nội dung của giấy triệu tập trúng tuyển chưa ghi rõ các điều kiện cần thiết đối với thí sinh khi nhập học như: bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông; bản sao có chứng thực các giấy tờ minh chứng để được hưởng chế độ ưu tiên.

d) *Hình thức tuyển sinh*: xét tuyển.

e) *Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyển sinh*:

Đã đăng thông tin tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ ytebacninh.edu.vn; tổ chức, quản lý quá trình xét tuyển trên phần mềm máy tính; in giấy báo trúng tuyển cho thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ kết quả xét tuyển của thí sinh; cập nhật thông tin đăng ký dự tuyển và công bố danh sách thí sinh trúng tuyển trên trang thông tin điện tử của trường.

f) *Kết quả tuyển sinh từ ngày 01/01/2020 đến thời điểm thanh tra*

- Trong thời kỳ thanh tra, Trường đã tuyển sinh 1.350 người, trong đó: 471 người trình độ cao đẳng, 33 người trình độ trung cấp, 846 người đào tạo dưới 3 tháng.

- Trường đã tuyển sinh đảm bảo không vượt quá quy mô tuyển sinh đã đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN.

g) *Báo cáo kết quả tuyển sinh*

Hàng năm, Trường đã báo cáo kết quả tuyển sinh đến Sở LĐTBXH tỉnh Bắc Ninh, UBND tỉnh Bắc Ninh, Tổng cục GDNN.

h) *Đăng ký, thông báo chỉ tiêu tuyển sinh*

- Đã đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh với Tổng cục GDNN, Sở LĐTBXH tỉnh Bắc Ninh.

- Đã thông báo tuyển sinh với nội dung thông tin về ngành/ngành đào tạo, quy mô tuyển sinh/năm, địa điểm đào tạo.

## **2.2. Công tác đào tạo**

2.2.1. *Xây dựng quy chế đào tạo và thông báo công khai các nội dung về đào tạo*

- Đã ban hành và triển khai thực hiện quy chế đào tạo: Quyết định số 45/2017/QĐ-CDYT ngày 15/12/2017 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ trung cấp; Quyết định số 140/QĐ-CDYT ngày 20/8/2018 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ cao đẳng; Quyết định số 160/QĐ-CDYT ngày 16/5/2022 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Quy chế đào tạo có đủ các nội dung: chương trình và thời gian đào tạo, địa điểm đào tạo, kế hoạch đào tạo, đăng ký nhập học, chuyển ngành nghề đào tạo.

- Đã công khai trước khi bắt đầu khóa học về kế hoạch giảng dạy, kế hoạch học tập, thời khóa biểu, giáo trình đào tạo, chương trình đào tạo, thời điểm





bắt đầu và kết thúc mỗi học kỳ, năm học, khóa học; thời gian, thời lượng đào tạo lý thuyết, thực hành, thời gian nghỉ hè, lễ, tết, khai giảng, bế giảng, thời gian học tập ngoại khóa theo quy định.

### 2.2.2. Kết quả đào tạo

#### a) Về tổ chức lớp đào tạo

- Đào tạo tại Trường: đã tổ chức 78 lớp đào tạo cho 2.017 lượt người, trong đó: 41 lớp trình độ cao đẳng cho 1.105 lượt người, 09 lớp trình độ trung cấp cho 66 lượt người, 28 lớp đào tạo dưới 03 tháng cho 846 lượt người (năm 2020: 19 lớp, 432 người; năm 2021: 28 lớp, 759 người; năm 2022: 31 lớp 826, người).

Bố trí 02 lớp đào tạo lý thuyết vượt quá 35 người theo quy định, cụ thể: lớp cao đẳng Dược CĐ D4A3 đào tạo 42 người, vượt 07 người (20%); lớp cao đẳng Điều dưỡng CĐ ĐD 2A1 đào tạo 39 người vượt 04 người (11,4%).

- Ngoài địa điểm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp: không thực hiện.

#### b) Về điều kiện đảm bảo cho các lớp học

- Đào tạo tại Trường: đã bố trí điều kiện đảm bảo cho các lớp học theo quy định (phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành; giáo viên, giảng viên dạy lý thuyết và thực hành; thiết bị, đồ dùng giảng dạy và học tập).

- Đối với việc tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe theo quy định tại Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe (sau đây gọi tắt là Nghị định số 111/2017/NĐ-CP): kiểm tra xác suất hồ sơ lưu tại Trường về đào tạo thực hành đối với lớp cao đẳng Điều dưỡng 3A1, thực hành môn Lâm sàng Ung bướu - Nội tiết - Chuyển hoá tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh (không kiểm tra, xác minh tại cơ sở thực hành) kết quả:

+ Trường và Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh đã ký Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐTH-BVĐKBN ngày 08/4/2018 về đào tạo thực hành.

+ Năm học 2022 - 2023, Trường và Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh đã ký hợp đồng chi tiết đào tạo thực hành (Hợp đồng số 03/HĐĐT/CĐYTBN-BVĐKBN ngày 15/8/2023, thời gian thực hiện từ tháng 8/2022 đến hết tháng 8/2023). Trước khi ký kết hợp đồng chi tiết, Trường và Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh chưa xác định nhiệm vụ cụ thể của cá nhân, đơn vị thuộc cơ sở giáo dục và cơ sở thực hành để thực hiện chương trình đào tạo thực hành; chưa thống nhất danh sách người học thực hành và danh sách người giảng dạy thực hành.

#### c) Số người bỏ học, thôi học

Trong thời kỳ thanh tra, có 44 người thôi học, bỏ học, trong đó: 41 người học trình độ cao đẳng, 03 người học trình độ trung cấp.



### **2.3. Việc thi, kiểm tra, và công nhận tốt nghiệp cho người học nghề**

- Đã thực hiện việc thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp trong đào tạo: thành lập hội đồng thi, kiểm tra, công tác ra đề thi, kiểm tra, công tác chấm thi: năm 2020 (Quyết định số 288/QĐ-CDYT ngày 07/9/2020 về việc thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp; Quyết định số 325/QĐ-HĐTTN-CDYT ngày 06/10/2020 về việc thành lập Ban coi thi và chấm thi tốt nghiệp; Quyết định số 324/QĐ-HĐTTN-CDYT ngày 06/10/2020 về việc thành lập Ban đề thi tốt nghiệp; Quyết định số 370/QĐ-CDYT ngày 09/11/2020 về việc công nhận tốt nghiệp); năm 2021 (Quyết định số 302/QĐ-CDYT ngày 01/11/2021 về việc thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp; Quyết định số 325/QĐ-HĐTTN-CDYT ngày 06/10/2020 về việc thành lập Ban coi thi và chấm thi tốt nghiệp; Quyết định số 324/QĐ-HĐTTN-CDYT ngày 06/10/2021 về việc thành lập Ban đề thi tốt nghiệp; Quyết định số 302/QĐ-CDYT ngày 01/11/2021 về việc công nhận tốt nghiệp).

- Đã tổ chức thi và công nhận tốt nghiệp cho 1.016 học sinh, sinh viên, trong đó: trình độ cao đẳng 153 người; trình độ trung cấp 17 người; đào tạo dưới 03 tháng 846 người.

### **2.4. Công tác giáo vụ**

#### **2.4.1. Việc quản lý, sử dụng biểu mẫu, sổ quản lý đào tạo**

a) Biểu mẫu, sổ quản lý đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp; đào tạo liên thông: đã ban hành quyết định phê duyệt hệ thống sổ, biểu mẫu quản lý sử dụng trong Trường:

- Hồ sơ, sổ dành cho Trường: chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, thời khóa biểu, sổ lên lớp, sổ quản lý học sinh sinh viên, sổ theo dõi đào tạo tại doanh nghiệp, sổ cấp bằng tốt nghiệp.

- Hồ sơ, sổ dành cho giáo viên, giảng viên: kế hoạch giảng dạy, giáo án lý thuyết, giáo án thực hành và giáo án tích hợp, sổ tay giáo viên.

b) Biểu mẫu, sổ quản lý đào tạo trình độ sơ cấp: không phát sinh, do Trường chưa tuyển sinh và đào tạo trình độ sơ cấp.

c) Biểu mẫu, sổ quản lý đào tạo dưới 03 tháng: đã phê duyệt hệ thống sổ, biểu mẫu quản lý đào tạo dưới 03 tháng.

#### **2.4.2. Việc ghi chép sổ, biểu mẫu quản lý đào tạo**

Đã ghi chép đủ các nội dung trong sổ, biểu mẫu quản lý đào tạo theo quy định.

### **2.5. Công tác quản lý và cấp văn bằng, chứng chỉ**

- Đã phê duyệt mẫu phôi bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp và gửi về Tổng cục GDNN, Sở LĐTĐ tỉnh Bắc Ninh và Công an tỉnh Bắc Ninh theo quy định (Quyết định 71/QĐ-CDYT ngày 20/5/2019 về việc phê duyệt mẫu phôi bằng trung cấp, Quyết định số 54/QĐ-CDYT ngày 25/02/2021 về việc phê duyệt mẫu phôi bằng tốt nghiệp cao đẳng, Quyết định số 336/QĐ-CDYT ngày 26/8/2022 về việc phê duyệt mẫu phôi bằng tốt nghiệp cao đẳng).



- Đã in 300 phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đã cấp phát 170 phôi bằng cho người học đã tốt nghiệp, đã mở sổ theo dõi việc in và cấp phôi văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

### **3. Chế độ làm việc của nhà giáo**

#### *3.1. Đối với nhà giáo cơ hữu*

- Đã quy định chế độ làm việc của nhà giáo (ban hành theo Quyết định số 118/QĐ-CDYT ngày 05/8/2019 của Hiệu trưởng về việc quy đổi một số hoạt động chuyên môn thành giờ chuẩn và chế độ giảm định mức giờ giảng): đã quy định thời gian làm việc của nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, trung cấp là 44 tuần/năm theo chế độ tuần làm việc 40 giờ (thực hiện công tác giảng dạy và giáo dục học viên, học sinh, sinh viên 32 tuần; học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, nghiên cứu khoa học 08 tuần đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng); số giờ quy đổi được tính thêm vào định mức giờ giảng trong năm học của nhà giáo; đã tính số giờ quy đổi theo tỷ lệ tương ứng giữa thời gian không sử dụng để học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, nghiên cứu khoa học với thời gian thực hiện công tác giảng dạy và giáo dục học viên, học sinh, sinh viên; đối với nhà giáo tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao vượt quá 04 tuần thì được giảm 14 giờ/tuần; chưa quy định thời gian thực hiện công tác giảng dạy và giáo dục học sinh, thời gian học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, nghiên cứu khoa học đối với nhà giáo dạy trình độ trung cấp; chưa quy định trường hợp nhà giáo sử dụng không hết thời gian để học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, nghiên cứu khoa học theo quy định thì Hiệu trưởng quy đổi thời gian còn lại chuyển sang làm công tác giảng dạy hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng giao.

- Hằng năm đã xây dựng kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn để nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động của nhà giáo GDNN; đã bố trí nhà giáo giảng dạy đảm bảo thời giờ làm việc quy định.

#### *3.2. Đối với nhà giáo thỉnh giảng*

Trường ký hợp đồng với 09 giảng viên thỉnh giảng theo từng module, môn học với mức thù lao 70.000 đồng/giờ đối với giảng viên có trình độ tiến sỹ, 60.000 đồng/giờ đối các giảng viên có trình độ thạc sỹ và đại học. Thời gian thỉnh giảng mỗi module, môn học từ 30 đến 75 giờ.

### **4. Tình hình thực hiện kinh phí chương trình mục tiêu**

**4.1. Nguồn vốn ODA:** Trường không được cấp kinh phí thực hiện.

#### **4.2. Nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư**

Trong thời kỳ thanh tra, Trường được phân bổ 3.000.000.000 đồng (ba tỉ đồng) thực hiện mua sắm trang thiết bị đào tạo từ Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 15/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh.



Xác minh thực tế các thiết bị được mua sắm theo phương thức đo, đếm, so sánh nhãn hiệu đối với 06 loại máy, thiết bị (gồm: máy thở; máy sốc tim; bóng bóp amubu; bồn rửa tay ngoại khoa; màn hình ti vi; camera và phần mềm điều khiển; hệ thống khí đầu giường; thanh song song), kết quả: 06 loại máy, thiết bị được xác minh, kiểm tra đều đúng, đủ theo chủng loại đã nghiệm thu, thanh toán.

**4.3. Dạy nghề cho lao động nông thôn, bộ đội xuất ngũ, người nghèo và thanh niên dân tộc thiểu số:** Trường không được cấp kinh phí thực hiện.

### III. KẾT LUẬN

#### 1. Những quy định của pháp luật GDNN đã được Trường thực hiện

1.1. Đã ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường theo quy định.

1.2. Có địa điểm xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo diện tích đất sử dụng tối thiểu của trường cao đẳng tại khu vực đô thị theo quy định.

1.3. Có đủ phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn chuyên môn, bảo đảm diện tích ít nhất 08 m<sup>2</sup>/người.

1.4. Có thư viện với phần mềm và trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu, nghiên cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu như sách, giáo trình, bài giảng của các module, tin chỉ, học phần, môn học, các tài liệu liên quan đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập.

1.5. Đảm bảo đủ diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bình quân ít nhất 5.5 m<sup>2</sup>/chỗ học.

1.6. Số phòng học lý thuyết đảm bảo đủ theo quy định đối với quy mô tuyển sinh đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN.

1.7. Số phòng, xưởng thực hành, thực tập đảm bảo đủ theo quy định đối với quy mô tuyển sinh đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN.

1.8. Có đủ thiết bị đào tạo tối thiểu cho các nghề đào tạo đã đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN theo quy định.

1.9. Có đủ giảng viên, giáo viên cơ hữu đạt chuẩn theo quy định, đảm bảo tỷ lệ học sinh đối trên giáo viên quy đổi.

1.10. Đã xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo theo quy định; hằng năm đã cập nhật và chỉnh sửa chương trình đào tạo.

1.11. Đã ban hành quy chế tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh, thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký hội đồng tuyển sinh theo quy định.

1.12. Đã tuyển sinh 1.350 người (trình độ cao đẳng 471 người, trình độ trung cấp 33 người, đào tạo dưới 3 tháng 846 người), đảm bảo không vượt quá quy mô đã đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN.

1.13. Đã ban hành Quy chế quản lý đào tạo và đảm bảo đủ các nội dung theo quy định.



1.14. Đã tổ chức 78 lớp đào tạo cho 2.017 lượt người, trong đó: 41 lớp trình độ cao đẳng cho 1.105 lượt người, 09 lớp trình độ trung cấp cho 66 lượt người, 28 lớp đào tạo dưới 03 tháng cho 846 lượt người; đã đảm bảo điều kiện cho các lớp đào tạo theo quy định (phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành; giáo viên, giảng viên dạy lý thuyết và thực hành; thiết bị, đồ dùng giảng dạy và học tập).

1.15. Đã ký hợp đồng nguyên tắc và hợp đồng chi tiết theo từng năm để đào tạo thực hành với các cơ sở đào tạo thực hành: Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh; Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh; Bệnh viện Sản nhi Bắc Ninh; Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Bắc Ninh; Trung tâm Y tế Yên Phong; Trung tâm Y tế Tiên Du.

1.16. Đã tổ chức thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp cho 1.016 người học, trong đó: trình độ cao đẳng 153 sinh viên, trình độ trung cấp 17 học sinh, đào tạo dưới 03 tháng 846 người.

1.17. Đã ban hành quyết định hệ thống sổ, biểu mẫu quản lý đào tạo sử dụng trong Trường và ghi chép đầy đủ theo quy định.

1.18. Đã ban hành quyết định phê duyệt mẫu phôi bằng, chứng chỉ và báo cáo Tổng cục GDNN, Sở LĐTBXH tỉnh Bắc Ninh và Công an tỉnh Bắc Ninh; đã mở sổ theo dõi, quản lý in phôi bằng, chứng chỉ theo quy định.

1.19. Đã quy định chế độ làm việc của nhà giáo theo quy định, đã ký hợp đồng với nhà giáo thỉnh giảng và bố trí nhà giáo tham gia giảng dạy đảm bảo thời gian quy định.

## **2. Những quy định pháp luật GDNN chưa được Trường thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ**

2.1. Khi có sự thay đổi Chủ tịch Hội đồng trường, Hội đồng trường đương nhiệm chưa tổ chức họp, quyết nghị việc thay thế chủ tịch Hội đồng trường theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định điều lệ trường cao đẳng (sau đây gọi tắt là Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH). Hội đồng trường nhiệm kỳ 2018 - 2023 đã hết nhiệm kỳ, chưa thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ kế tiếp theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH.

2.2. Quy chế hoạt động của Hội đồng trường quy định về tiêu chuẩn Chủ tịch thiếu nội dung “Đã qua đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp” là không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật Giáo dục nghề nghiệp và khoản 7 Điều 11 Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH.

2.3. Tổ chức 02 lớp đào tạo lý thuyết vượt quá 35 người theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH), cụ thể: lớp cao đẳng Dược CĐ D4A3 đào tạo 42 người vượt 07 người (vượt 20%), lớp cao đẳng Điều dưỡng CĐ ĐD 2A1 đào tạo 39 người vượt 04 người (11,4%).



2.4. Nội dung của Giấy triệu tập trúng tuyển chưa ghi rõ các điều kiện cần thiết đối với thí sinh khi nhập học: bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông; bản sao có chứng thực các giấy tờ minh chứng để được hưởng chế độ ưu tiên là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 05/2021/TT-LĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (sau đây gọi tắt là Thông tư số 05/2021/TT-LĐTBXH).

2.5. Trước khi ký kết hợp đồng chi tiết đào tạo thực hành, Trường và Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh chưa xác định nhiệm vụ cụ thể của cá nhân, đơn vị thuộc cơ sở giáo dục và cơ sở thực hành để thực hiện chương trình đào tạo thực hành; chưa thống nhất danh sách người học thực hành và danh sách người giảng dạy thực hành theo quy định tại Điều 5 Nghị định 111/2017/NĐ-CP.

2.6. Nội dung quy định chế độ làm việc của nhà giáo tại Trường chưa đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH.

#### **IV. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ**

##### **1. Kiến nghị Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh**

1.1. Khắc phục các sai phạm thiếu sót sau:

1.1.1. Khi có sự thay đổi Chủ tịch Hội đồng trường; Hội đồng trường đương nhiệm phải tổ chức họp, quyết nghị việc thay thế chủ tịch Hội đồng trường theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH.

1.1.2. Bố trí các lớp học lý thuyết đảm bảo đúng quy mô đào tạo theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH.

1.1.3. Trước khi ký kết hợp đồng chi tiết đào tạo thực hành, Trường và các cơ sở đào tạo thực hành phải xác định nhiệm vụ cụ thể của cá nhân, đơn vị thuộc cơ sở giáo dục và cơ sở thực hành để thực hiện chương trình đào tạo thực hành; thống nhất danh sách người học thực hành và danh sách người giảng dạy thực hành theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP.

1.1.4. Nội dung của Giấy triệu tập trúng tuyển cần ghi rõ các điều kiện cần thiết đối với thí sinh khi nhập học theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 05/2021/TT-LĐTBXH.

1.1.5. Sửa đổi, bổ sung quy định chế độ làm việc của nhà giáo tại Trường đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định tại Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH:

- Bổ sung quy định thời gian thực hiện công tác giảng dạy và giáo dục học sinh, thời gian học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, nghiên cứu khoa học đối với nhà giáo dạy trình độ trung cấp;

- Bổ sung quy định trường hợp nhà giáo sử dụng không hết thời gian để



học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, nghiên cứu khoa học theo quy định thì Hiệu trưởng quy đổi thời gian còn lại chuyển sang làm công tác giảng dạy hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng giao.

1.2. Kiến nghị Hội đồng trường sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng trường phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật Giáo dục nghề nghiệp và khoản 7 Điều 11 Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH.

1.3. Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân để xảy ra những sai phạm đã nêu tại mục 2 phần III Kết luận thanh tra này.

## 2. Kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh

2.1. Ban hành quyết định thành lập Hội đồng Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh nhiệm kỳ kế tiếp (2023 – 2028) theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH.

2.2. Chỉ đạo Trường Cao đẳng y tế Bắc Ninh khắc phục những sai phạm đã nêu tại mục 2 phần III Kết luận thanh tra này.

## 3. Các biện pháp xử lý

Không phát sinh

## V. THỜI HẠN THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ

Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh thực hiện các kiến nghị nêu tại Phần IV Kết luận thanh tra và báo cáo kết quả thực hiện kèm hồ sơ, tài liệu chứng minh về Thanh tra Bộ LĐTBXH (địa chỉ: Số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội) trước ngày 30/5/2023./.

Nơi nhận: *huc*

- Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh (để t/h);
- Bộ trưởng Đào Ngọc Dung (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Tấn Dũng (để b/c);
- Chánh Thanh tra (để b/c);
- UBND tỉnh Bắc Ninh (chỉ đạo t/h);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ;
- Lưu: TTr, TDTX, hồ sơ TTr.

KT. CHÁNH THANH TRA  
PHÓ CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Thị Hồng Diệp